

Gia Lộc, ngày 25 tháng 10 năm 2019

Số: 04/2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên họp:
Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 05/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 04/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Chị Thân Thanh T, sinh năm 1978;

Nơi cư trú: Số nhà Y, phố Đ, phường TB, thành phố H, tỉnh Hải Dương.
Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Bùi Trung B, sinh năm 1974;

HKTT: Lô Z, khu đô thị phía V, phường TB, thành phố H (nay là số nhà Y, phố Đ, phường TB, thành phố H, tỉnh Hải Dương);

HKTT: Bản C, xã N, huyện MA, tỉnh Điện Biên.

Hiện cư trú tại: Thôn Q, xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị H, sinh năm 1978; Trú tại: Số X, phố C, thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Chính T - Chủ tịch UBND thị trấn L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn L - Phó Chủ tịch UBND thị trấn L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu, các tài liệu trong hồ sơ cũng như tại phiên họp, chị Thân Thanh T trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Bùi Trung B vào ngày 07/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Vợ chồng chị đã sinh được hai người con là cháu Bùi Tư H - sinh năm 2002 và cháu Bùi Thu P- sinh năm 2007. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh B làm đơn xin ly hôn chị từ năm 2011. Ngày 01/7/2019, Tòa án nhân thành phố Hải Dương đã thụ lý vụ án do anh B khởi kiện xin ly hôn chị theo quyết định chuyển vụ án của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, đến nay chưa giải quyết ly hôn xong.

Ngày 09/5/2017, anh B kết hôn với chị Phạm Thị H, được UBND thị trấn L đăng ký kết hôn, anh B và chị H đã có con chung. Nay chị xác định việc anh B vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với chị mà lại được UBND thị trấn L đăng ký kết hôn với chị H là vi phạm pháp luật, chị đề nghị hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh B và chị H.

Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu trong hồ sơ, anh Bùi Trung B trình bày: Anh và chị Thân Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương vào năm 2002, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2010, nhiều lần anh làm đơn xin ly hôn chị T nhưng đến nay vẫn chưa được Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương giải quyết xong. Do anh muốn tự giải phóng cho bản thân mình nên năm 2017, anh đến UBND xã N, huyện MA, tỉnh Điện Biên xin Giấy xác nhận về tình trạng hôn nhân và được UBND xã xác nhận tình trạng hôn nhân của anh là chưa đăng ký kết hôn với ai để anh làm thủ tục kết hôn với chị Phạm Thị H. Năm 2017, anh và chị Phạm Thị H cùng tự nguyện đến UBND thị trấn L để đăng ký kết hôn. UBND thị trấn L đã tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh và chị H. Sau đó, anh và chị H đã có một con chung là Bùi Thị Bảo A, sinh ngày 25/8/2017. Hiện nay, cháu A đang ở với chị H. Anh nhất trí việc chị T yêu cầu hủy việc kết hôn giữa anh và chị H. Anh đề nghị giao cháu A cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị H không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu trong hồ sơ, chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Trung B quen biết nhau từ năm 2015. Đến năm 2017, anh B

nói với chị là anh có vợ con nhưng đã ly hôn, do vậy chị đồng ý kết hôn với anh B. Chị và anh B đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L vào ngày 09/8/2017. Sau đó, chị và anh B có một con chung là Bùi Thị Bảo A, sinh ngày 25/8/2017. Chị nhất trí việc chị T yêu cầu hủy việc kết hôn giữa chị và anh B. Chị đề nghị giao cháu A cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị và anh B không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

UBND thị trấn L cung cấp: Ngày 09/5/2017, anh Bùi Trung B và chị Phạm Thị H đến UBND thị trấn Gia Lộc làm thủ tục đăng ký kết hôn, đã xuất trình các giấy tờ gồm: Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 12 ngày 21/4/2017 của UBND xã N, huyện MA, tỉnh Điện Biên cấp cho anh B, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh B và chị H, quyết định của TAND huyện Gia Lộc giải quyết việc ly hôn của chị H. Sau khi kiểm tra hồ sơ đã đủ điều kiện, UBND thị trấn L đã cho anh B, chị H khai các nội dung trong tờ khai đăng ký kết hôn, thực hiện vào sổ đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho anh chị. UBND thị trấn L xác định hồ sơ đăng ký kết hôn của anh B và chị H là hợp lệ, trình tự, thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Nay chị T có yêu cầu hủy việc kết hôn của anh B và chị H, UBND thị trấn L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương cung cấp: Ngày 07/02/2002, anh Bùi Trung B và chị Thân Thanh T đã được UBND xã T tiến hành đăng ký kết hôn và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển số 01.

UBND xã N, huyện MA, tỉnh Điện Biên cung cấp: UBND xã N căn cứ vào đề nghị xin cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân của anh B, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh B để cấp giấy. Do thời điểm từ ngày 19/9/2014 trở về trước, anh B không có hộ khẩu thường trú tại xã MA nên cán bộ tư pháp hộ tịch xã không biết được thông tin về tình trạng hôn nhân của anh B. Trong quá trình cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, UBND xã N không tiến hành kiểm tra, xác minh về tình trạng hôn nhân của anh B tại UBND xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương và UBND phường TB, thành phố H, tỉnh Hải Dương là những nơi anh B từng đăng ký thường trú vì không thuộc thẩm quyền của UBND xã N.

Tại phiên họp: Chị T giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh B và chị H.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc: Từ khi thụ lý đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng các quy định của BLTTDS năm 2015. Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39; Điều

149, Điều 361, khoản 3 Điều 367, Điều 369, Điều 370 BLTTDS năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị T. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh B và chị H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017 ngày 09/5/2017 của UBND thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương. Giao con chung của anh B và chị H là cháu Bùi Thị Bảo A – sinh ngày 25/8/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Trả lại chị T số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Thân Thanh T có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh B và chị H, do UBND thị trấn L đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 BLTTDS năm 2015 thì việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Anh Bùi Trung B, chị Phạm Thị H, ông Đoàn Văn L có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ quy định tại Điều 367 BLTTDS năm 2015, tiến hành phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt những người này.

[2] Xét yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật:

Anh Bùi Trung B và chị Thân Thanh T kết hôn vào ngày 07/02/2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Đến nay, anh B và chị T chưa được Tòa án nào giải quyết việc ly hôn. Chị H đã được Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Đình H tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 102/2010/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2010. Ngày 09/5/2017, UBND thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh B và chị H là

đúng thẩm quyền, nhưng do anh B là người đang có vợ nên việc đăng ký kết hôn của anh B và chị H là trái pháp luật, vi phạm điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, việc chị T yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của anh B và chị H là có căn cứ.

Anh B và chị H có một con chung là Bùi Thị Bảo A, sinh ngày 25/8/2017, anh chị đều có nguyện vọng giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, chị H tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án xem xét chấp nhận. Anh B và chị H không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị T không phải chịu lệ phí theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39; Điều 149, Điều 361, khoản 3 Điều 367, Điều 369, Điều 370 BLTTDS năm 2015; điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm d khoản 2 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của chị Thân Thanh T.

2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Trung B và chị Phạm Thị H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2017 ngày 09/5/2017 của UBND thị trấn L, huyện G, tỉnh Hải Dương.

3. Giao con chung của anh Bùi Trung B và chị Phạm Thị H là cháu Bùi Thị Bảo A – sinh ngày 25/8/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị T không phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự. Trả lại chị T số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0008557 ngày 12/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục THADS huyện Gia Lộc;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh